

Bản án số: 110 / 2020 /HC-PT
Ngày: 01 - 07 - 2020
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Nguyễn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 136/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HC- ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 948/2020/QĐPT-HC ngày 03 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1943; trú tại tổ 5, KV 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1973; cư trú tại số nhà 09C1/10, khu phố 3A, khu dân cư V, đường H, phường Th, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền ngày 11 tháng 7 năm 2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị M: Luật sư Trần Cao Đại Kỳ Q1 hoạt động tại Công ty Luật TNHH MTV TA, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1- Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công V1, Phó Chủ tịch UBND thành phố Q; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Giấy ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 08/8/2019)

2.2- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định; Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Công V1, Phó Chủ tịch UBND thành phố Q; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (Giấy ủy quyền số 17/GUQ-UBND ngày 08/8/2019)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định; Người đại diện theo ủy quyền là ông Đặng Phan Tiến D, Phó Giám đốc Trung tâm; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2 Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt lần 2.

3.3 Ông Lê Quang M1, sinh năm 1975; có mặt.

3.4. Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1943.

3.5. Cháu Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 2006.

3.6. Cháu Huỳnh Thu H2, sinh năm 2012.

Cùng địa chỉ: tổ 5, KV 5, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Người đại diện theo ủy quyền của bà S, cháu H1 và cháu H2: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1973; cư trú tại số nhà 09C1/10, khu phố 3A, khu dân cư V, đường H, phường Th, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 9 năm 2019); có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/7/2019 và trong quá trình tố tụng, nội dung người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là thửa 223) có nguồn gốc trước đây do ông Đỗ C quản lý sử dụng từ trước năm 1975 được chính quyền chế độ cũ cấp Bản trích lục địa bộ cho ông C.

Ngày 14/8/1976 ông C chuyển nhượng thửa đất 223 lại cho bà Ngô Thị M, hai bên có lập Giấy sang nhượng đất viết tay. Từ đó đến nay gia đình là chủ sở hữu quản lý, sử dụng thửa đất 223, không có tranh chấp.

Khi nhận chuyển nhượng từ ông C thì trên đất đã xây dựng sẵn móng nhà. Gia đình bà M trồng rau, đến năm 1990 làm nhà tạm và đến năm 2010 sửa nhà tạm thành nhà cấp 4, diện tích khoảng 40m². Do không am hiểu pháp luật nên

gia đình bà M không xin phép nên bị UBND phường N lập biên bản vi phạm hành chính số 227/BB-VPHC ngày 20/01/2010 về việc tự ý xây dựng nhà không có giấy phép. Căn nhà này là nơi ở và sinh sống duy nhất của gia đình, các con ruột và các cháu của gia đình bà M.

Ngày 07/12/2010 gia đình bà M mở quán ăn uống bình dân và dịch vụ cho thuê xe và đã được Phòng Tài chính - Kế hoạch của UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ gia đình cá thể.

Năm 2017 gia đình làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không được chấp nhận với lý do đất quy hoạch khu dân cư.

Ngày 26/5/2017 UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Thông báo thu hồi đất số 409/TB-UBND để thực hiện công trình Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Nội dung của Thông báo là: Thu hồi đất của 08 hộ gia đình, cá nhân và một tổ chức trong đó có thửa đất 223 của gia đình bà M.

Ngày 22/9/2017 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q, tỉnh Bình Định (sau đây gọi tắt là Trung tâm phát triển quỹ đất) ban hành Thông báo số 337/TB-TTPTQĐ về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có tên của hộ gia đình Ngô Thị M và Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường thiệt hại về tài sản, công trình cho hộ gia đình bà M là 138.221.765 đồng bao gồm bồi thường về đất, hỗ trợ về đất, bồi thường về vật kiến trúc, bồi thường về cây trồng, hỗ trợ ổn định đời sống.

Trung tâm phát triển quỹ đất xác định loại đất của thửa đất số 223 là đất trồng cây hàng năm khác, đơn giá $74.000 \text{ đồng} \times 301,2\text{m}^2 = 22.288.800 \text{ đồng}$ là không đúng vì hàng năm gia đình bà M đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Mỗi kỳ thuế cơ quan có thẩm quyền xác định thửa đất số 223 là đất ở tại đô thị và mức thu thuế gia đình phải đóng là mức thuế của loại đất ở tại đô thị; không có bố trí đất tái định cư cho bà.

Không đồng ý với nội dung chỉ được bồi thường về đất trồng cây hàng năm chứ không phải là đất ở đô thị và không được bố trí đất tái định cư nên gia đình bà M đã làm đơn khiếu nại gửi đến các cấp: UBND phường N, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q và UBND thành phố Q.

Ngày 22/02/2018 UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Ngô Thị M để xây dựng khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt hai). Nội dung của Quyết định là thu hồi thửa đất 223 của gia đình bà M. (Quyết định 874)

Ngày 21/3/2018 Chủ tịch UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại về xác định nguồn gốc đất của bà M (lần đầu) với nội dung không công nhận nội dung khiếu nại về nguồn gốc thửa đất 223. (Quyết định 47).

Không đồng ý với Quyết định số 47/QĐ-UBND, bà M tiếp tục khiếu nại lên UBND thành phố Q và ngày 23/8/2018 Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh

Bình Định ban hành Quyết định số 7456/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M (lần hai) với nội dung không công nhận nội dung đơn của bà M yêu cầu xem xét Quyết định số 47/QĐ-UBND nói trên để bà M được bồi thường theo giá đất ở, giao đất tái định cư. (Quyết định 7456)

Bà M không thống nhất với Quyết định số 7456/QĐ-UBND; ngày 06/5/2019 Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 2817 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà M (Quyết định 2817)

Ngày 20/6/2019 bà Ngô Thị M nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; hủy Quyết định số 7456/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại; hủy Quyết định số 2817 về việc cưỡng chế thu hồi đất và công nhận thửa đất số 223 tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là quyền sở hữu hợp pháp của bà M, loại đất ở tại đô thị; đồng thời được tái định cư.

- Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Q và UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Công V1 trình bày:

1. Quá trình thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M

Tại Quyết định số 3888/QĐ-CTUBND ngày 29/5/2017 của UBND thành phố về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng), thành phố Q,

Ngày 09/01/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có Tờ trình số 14/TTr-TTPTQĐ về việc thu hồi đất. Theo đó, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đề nghị thu hồi đất đối với 05 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức với tổng diện tích thu hồi 3.352,6m² của 09 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 8 thuộc phường N, thành phố Q. Trong đó, có hộ bà Ngô Thị M, địa chỉ: tổ 5, khu vực 5, phường N với diện tích đề nghị thu hồi là 301,2m² thuộc toàn phần thửa đất số 223, tờ bản đồ số 8 theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017.

Ngày 05/02/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Tờ trình số 52/TTr-TNMT về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q - phần mở rộng (đợt 2), trong đó có hộ bà Ngô Thị M.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố; ngày 22/02/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q - phần mở rộng (đợt 2) là đúng quy định.

2. Quá trình ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Ngô Thị M để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q (phần mở rộng:

Trên cơ sở nguồn gốc sử dụng thửa đất, theo xác nhận của UBND phường N: bà Ngô Thị M khai vỡ đất hoang sử dụng trồng rau màu sau năm 1993 trước

ngày 01/7/2004. Đến năm 2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở không có giấy phép của cấp có thẩm quyền đã bị UBND phường N lập biên bản VPHC số 227/BB-VPHC ngày 20/01/2010.

Ngày 22/02/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, Thành phố Q (phần mở rộng); diện tích đất thu hồi 301,2m² loại đất bằng trồng cây hàng năm, thuộc toàn phần thửa đất số 223 tờ bản đồ số 08 theo bản đồ đo đạc năm 2017 tại phường N.

Theo phương án được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 thì số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Ngô Thị M là 122.660.255 đồng.

Sau khi có Quyết định thu hồi đất và bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ, bà Ngô Thị M có đơn khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, GPMB đối với gia đình Bà.

Ngày 21/3/2018, Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Ngô Thị M theo đó không công nhận nội dung đơn của bà M khiếu nại về nguồn gốc đất.

Sau đó, bà M tiếp tục khiếu nại; ngày 23/8/2018, Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quyết định số 7456/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà Ngô Thị M, theo đó không công nhận nội dung đơn của bà M khiếu nại Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND phường N.

Ngày 25/10/2018, UBND phường N đã phối hợp Mặt trận phường N và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố vận động hộ bà Ngô Thị M - đại diện con ông Lê Quang M1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao trả mặt bằng cho Nhà nước tuy nhiên hộ không thống nhất.

Ngày 05/3/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có Thông báo số 128/TB-TTPTQĐ về việc nhận tiền và giao trả mặt bằng cho Nhà nước đối với hộ bà Ngô Thị M.

Ngày 06/3/2019, UBND phường N có Báo cáo số 34/BC-UBND kết quả vận động các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện công trình Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q (phần mở rộng), trong đó có hộ bà Ngô Thị M.

Ngày 07/3/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có Báo cáo số 93/TTPTQĐ-GPMB về việc cung cấp hồ sơ bồi thường GPMB đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất các hộ dân thuộc công trình Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q (phần mở rộng), trong đó có hộ bà Ngô Thị M. Ngày 18/4/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 212/TTr-TNMT về việc đề nghị cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Ngô Thị M.

Căn cứ Khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố đã ban hành Quyết định số

2817/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Ngô Thị M để GPMB xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N, thành phố Q (phần mở rộng) là đúng quy định.

3. Quá trình giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Ngô Thị M:

Kết quả kiểm tra hồ sơ hiện có, thể hiện: Bà Ngô Thị M là hộ có đất bị thu hồi trong dự án GPMB Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng), thành phố Q.

Bản đồ địa chính thửa đất thu hồi của bà M thể hiện:

- Bản đồ 299 và sổ mục kê: Thửa đất số 260 tờ bản đồ số 9, diện tích $315m^2$, loại đất lúa màu, sổ mục kê ghi: Hoang.

- Bản đồ năm 2001: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 36, diện tích $1243,2m^2$, loại đất nghĩa địa, hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: UBND phường.

- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017: Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08, diện tích $301,2m^2$, loại đất bằng trồng cây hàng năm khác, hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Ngô Thị M.

Diện tích đất thu hồi là $301,2m^2/301,2m^2$.

Nguồn gốc thửa đất(Theo báo cáo số 189/BC-UBND ngày 21/8/2017 của UBND phường N)thể hiện: Bà M khai vỡ đất hoang sử dụng trồng rau màu sau năm 1993 trước ngày 01/7/2004. Năm 2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở không có phép của cơ quan có thẩm quyền đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính số 227/BB-VPHC ngày 20/01/2010.

Hồ sơ bồi thường thể hiện:

Về đất: bà M được bồi thường đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi là $301,2m^2$ theo đơn giá $74.000đ/m^2$ và hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm.

Về nhà: nhà bà M xây dựng năm 2010 và bị lập Biên bản vi phạm hành chính số 227/BB-VPHC ngày 20/01/2010 nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật.

Hộ được hỗ trợ vật kiến trúc, bồi thường cây cối hoa màu và các khoản thưởng khác theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, ông M1 có cung cấp một bản sao địa đồ photo thể hiện thửa đất 410 diện tích 7 thước 02 tấc, tên xứ là Cây Ké đứng tên ông Đỗ C; một giấy nhượng đất nền nhà ở photo, được viết tay không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền giữa ông Đỗ C và vợ chồng bà M vào năm 1976; thông báo nộp thuế nhà đất và Biên lai nộp thuế năm 2014, 2017, 2018; hồ sơ xin cấp GCN.QSD đất đứng tên bà M nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình xem xét giải quyết đơn của bà M liên quan đến nguồn gốc thửa đất thu hồi của Bà trong dự án, UBND phường N đã ban hành quyết định

số 47/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 v/v giải quyết đơn khiếu nại đối với bà M với nội dung không công nhận nội dung đơn của bà M.

Từ kết quả kiểm tra hồ sơ nêu trên, cho thấy:

- Trên cơ sở bản đồ địa chính qua các thời kỳ được xác lập tại phường N cho thấy: thửa đất thu hồi của bà M có nguồn gốc là đất màu và đất hoang. Đến năm 2001, bà M chưa được xác lập là chủ sử dụng thửa đất và bản đồ địa chính vẫn để tên UBND phường N. Năm 2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở trên thửa đất khi không có phép của cơ quan có thẩm quyền đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính.

- Việc ông M1 (đại diện cho bà M) cung cấp các giấy tờ như bản sao địa đồ, giấy nhượng đất nền nhà ở được viết tay không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền giữa ông Đỗ C và vợ chồng bà M vào năm 1976; thông báo nộp thuế nhà đất và Biên lai nộp thuế năm 2014, 2017, 2018; hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà M nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, là không đủ cơ sở pháp lý để công nhận diện tích đất thu hồi của bà M là đất ở.

Kết quả giải quyết khiếu nại đối với bà Ngô Thị M:

Ngày 09/8/2017, UBND thành phố tổ chức đối thoại với bà Ngô Thị M, ông Lê Quang M1 đại diện tham dự. Ngày 23/8/2018, Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định giải quyết khiếu nại cho bà M với nội dung: không công nhận nội dung đơn bà M khiếu nại, yêu cầu UBND thành phố xem xét lại quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND phường N, để bồi thường đất ở, giao đất tái định cư cho Bà; Công nhận quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Ngô Thị M.

4. Nội dung bà Ngô Thị M yêu cầu công nhận thửa đất 223 tờ bản đồ số 08 đo đạc năm 2017 có diện tích 301,2m² thuộc phường N là quyền sở hữu hợp pháp của bà M, loại đất là đất ở tại đô thị.

Trên cơ sở bản đồ địa chính qua các thời kỳ được xác lập, lưu trữ tại UBND phường N và nguồn gốc thửa đất 223 tờ bản đồ số 08 đo đạc năm 2017 có diện tích 301,2m² cho thấy: đây là thửa đất màu, đất hoang. Đến năm 2001, bà M chưa được xác lập là chủ sử dụng thửa đất và bản đồ địa chính vẫn để tên UBND phường N. Năm 2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở trên thửa đất khi không có phép của cơ quan có thẩm quyền đã bị lập Biên bản vi phạm hành chính. Tại thời điểm thu hồi đất bà M là người đang sử dụng đất nhưng không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp theo quy định pháp luật.

Do đó, không đủ căn cứ pháp luật để công nhận thửa đất 223 tờ bản đồ số 08 đo đạc năm 2017 có diện tích 301,2m² thuộc phường N, thành phố Q là loại đất ở của bà M.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q trình bày:*

Theo Báo cáo số 189/BC-UBND ngày 21/8/2017 của UBND phường N về xác nhận nguồn gốc sử dụng đất: Bà Ngô Thị M khai vỡ đất hoang sử dụng trồng rau màu sau năm 1993 trước ngày 01/7/2004. Ngày 20/01/2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở không có giấy phép của cấp có thẩm quyền đã bị UBND phường N lập biên bản VPHC số 227/BB-VPHC.

- Về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND TP. Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng): Hộ bà Ngô Thị M được bồi thường 301,2m² đất nông nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ nhà cửa (do bị lập biên bản xử lý VPHC); bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB là 122.660.255 đồng.

- Về nội dung khiếu nại giao đất tái định cư: Theo Văn bản số 68/UBND-ĐCXD ngày 26/6/2018 của UBND phường N về việc xác nhận chỗ ở của bà Ngô Thị M ở tại tổ 7, KV 5, phường N, TP. Q. Hiện tại, bà M đang ở chung nhà của ông M1 tại tổ 5, KV 5, phường N.

Áp dụng khoản 3, Điều 42, Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 “*Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất*”.

Bà M không bị thu hồi đất ở, hiện đang ở chung nhà với con trai là ông M1. Do đó, bà M không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện UBND phường N trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất của bà Ngô Thị M: Bà M khai vỡ đất hoang sử dụng trồng rau màu sau năm 1993 trước ngày 01/7/2004. Đến năm 2010 bà M tự ý xây dựng nhà ở không có giấy phép của cấp có thẩm quyền đã bị UBND phường N lập biên bản VPHC số 227/BB-VPHC.

Theo bản đồ 299 và sổ mục kê: Thửa đất 260, tờ bản đồ số 9, diện tích 315,0m², loại đất lúa màu, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Hoang.

Theo bản đồ năm 2001 (do vẽ hiện trạng sử dụng đất chưa đăng ký thống kê) Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.243,2m², loại đất nghĩa địa, ghi tên chủ sử dụng: UBND phường.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017 là Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08, diện tích 301,2m², loại đất: BHK (BHK: Đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Ngô Thị M.

Diện tích bị thu hồi: 301,2m²/301,2m² loại đất bằng trồng cây hàng năm.

Ngày 21/3/2018 UBND phường N ban hành Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà M, người được ủy quyền là ông M1 với nội

dung không công nhận nội dung đơn của người khiếu nại liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất vì nội dung khiếu nại không có cơ sở để xem xét giải quyết. UBND phường N đã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của bà M là đúng theo quy định của pháp luật.

+ Ông Lê Văn M1 trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của ông T là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bà S, cháu H1 và cháu H2, ông Phạm Đức T trình bày: Ông T thống nhất như trình bày của người khởi kiện, ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 65/2019/HC- ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an

- Căn cứ Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M yêu cầu hủy các Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt 2); Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M (lần 2); Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ bà Ngô Thị M để GPMB xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ

sở phường N, thành phố Q và công nhận thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là quyền sở hữu hợp pháp của bà M, loại đất (mục đích sử dụng) là đất ở tại đô thị.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 17 – 12 – 2020 người khởi kiện bà Ngô Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cụ thể: Công nhận thửa đất số 233, tờ bản đồ 08 diện tích 301,2m² của Bà là đất ở đô thị; hủy các quyết định gồm: Quyết định 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018, Quyết định 7456/QĐ-UBND ngày 23/08/2018, Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 06/05/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm: đại diện cho người kháng cáo xin rút một phần kháng cáo về yêu cầu xem xét hủy Quyết định 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q về thu hồi đất; giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo khác như đơn kháng cáo, đề nghị xem xét việc tái định cư vì hiện nay hộ bà M không có chỗ ở nên mới không bàn giao nhà đất; vì việc thu hồi đất để quy hoạch khu dân cư cũng để cho dân ở, nên đề nghị cho tái định cư ngay tại chỗ để hạn chế thiệt hại về nhà cửa (khi thu hồi không được bồi thường) và đảm bảo cho nghề buôn bán đang ổn định, nuôi sống gia đình.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; về nội dung thì thực tế bà M sử dụng trên thửa đất này từ năm 1976 nhưng do không đăng ký kê khai qua các thời kỳ nên không có đủ căn cứ để xác định đất ở, khi thu hồi đất thì bà M đang ở trên đất này và có đóng thuế đất ở, hộ bà M thuộc diện phải di chuyển chỗ ở khác khi thu hồi đất trong khi hộ của Bà không có nhà đất nào khác tại khu vực này, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, sửa một phần bản án sơ thẩm, hủy một phần các Quyết định hành chính có liên quan để buộc UBND thành phố Q bổ sung nội dung giao cho hộ bà M một lô đất ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính nhận thấy:

[1] Về yêu cầu khởi kiện

Ngày 20/6/2019, ngày 12/7/2019 bà Ngô Thị M có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 874/QĐ-

UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt 2); Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M (lần 2); Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ bà Ngô Thị M để GPMB xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q và yêu cầu công nhận thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là loại đất ở đô thị thuộc quyền sử dụng của hộ bà Ngô Thị M. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 thì lý do yêu cầu hủy là xác định đất thu hồi là đất ở đô thị (chứ không phải là đất trồng cây hàng năm) và khi thu hồi toàn bộ thửa đất nhưng không bố trí tái định cư.

Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xem xét đầy đủ các yêu cầu khởi kiện và xác định quan hệ pháp luật “*khieux kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” là đúng pháp luật.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo:

[2. 1] Đối với Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018, Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị hủy Quyết định số 874 này; tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đã tự nguyện rút kháng cáo về nội dung yêu cầu này nên HĐXX phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo có liên quan, phần quyết định bác yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Đối với Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 về việc giải quyết khiếu nại và đề nghị xác định thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là loại đất ở tại đô thị của bà Ngô Thị M:

Xem xét về nguồn gốc thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08, diện tích 301,2m²: Theo bản đồ 299 và Sổ mục kê: Thửa đất 260, tờ bản đồ số 9, diện tích 315,0m², loại đất lúa màu, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Hoang.

Theo bản đồ năm 2001 (do vẽ hiện trạng sử dụng đất chưa đăng ký thống kê) Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 36, diện tích 1.243,2m², loại đất nghĩa địa, ghi tên chủ sử dụng: UBND phường.

Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2017: Thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08, diện tích 301,2m², loại đất: BHK (BHK: Đất bằng trồng cây hàng năm khác), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Ngô Thị M.

Với nguồn gốc đất được xác định theo hồ sơ sổ sách địa chính của nhà nước như trên thì do bà M không có kê khai đăng ký đất đai qua các thời kỳ thực hiện chính sách về đất đai ở địa phương, không xác lập về quyền sử dụng đất, nên không có căn cứ sử dụng đất ở. Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của Chủ tịch UBND phường N về việc giải quyết khiếu nại về nguồn gốc đất đối với bà M là đúng về nội dung và thẩm quyền. Do đó Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M (lần 2) là có căn cứ.

Trên cơ sở hồ sơ sổ sách địa chính qua các thời kỳ được xác lập tại phường N cho thấy thửa đất thu hồi của bà M có nguồn gốc trước đây là đất hoang, sau này là đất màu. Đến năm 2001, bà M chưa được xác lập là chủ quyền sử dụng thửa đất và bản đồ địa chính vẫn để tên UBND phường.

Năm 2010, bà M tự ý xây dựng nhà ở trên thửa đất khi không có phép của cơ quan có thẩm quyền đã bị lập biên bản vi phạm hành chính. Do không có căn cứ xác định mốc thời gian hộ gia đình bà M sử dụng đất để ở nên theo mốc thời gian từ năm 2010 là lúc gia đình bà M xây dựng bị lập Biên bản vi phạm.

Những tài liệu chứng cứ do bên người khởi kiện cung cấp như: Bản sao địa đồ, giấy chuyển nhượng đất nền nhà ở được viết tay không có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền giữa ông Đỗ C và vợ chồng bà M vào năm 1976, thông báo nộp thuế đất và biên lai nộp thuế năm 2014, 2017, 2018, hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà M nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền là không đủ về mốc thời gian và cơ sở pháp lý để công nhận diện tích đất thửa 233 thu hồi của bà M là diện tích đất ở.

Do xác định nguồn gốc và quá trình sử dụng đất không có căn cứ để xác định đây là đất ở hay đất thổ cư, nên yêu cầu công nhận thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là quyền sở hữu hợp pháp của bà M, loại đất (mục đích sử dụng) là đất ở tại đô thị là không có căn cứ.

[2.3] Đối với Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2817/QĐ-UBND ngày 06/5/2019:

Ngày 22/02/2018, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà M để xây dựng khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt hai).

Tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng): Hộ bà Ngô Thị M được bồi thường

301,2m² đất nông nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ nhà cửa (do bị lập biên bản xử lý VPHC); bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, cây trồng và các khoản hỗ trợ. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 122.660.255 đồng.

Ngày 25/10/2018, UBND phường N đã phối hợp Ủy ban Mặt trận phường N và Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố vận động hộ bà M - Người đại diện ông M1 con bà M nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao trả mặt bằng cho Nhà nước tuy nhiên hộ đã không thống nhất.

Sau nhiều lần vận động nhưng bà M vẫn không chịu nhận tiền bồi thường và bàn giao đất nên ngày 06/5/2019, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 2817/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Ngô Thị M là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Xem xét yêu cầu được giao đất tái định cư:

Tại Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng): Hộ bà Ngô Thị M được bồi thường 301,2m² đất nông nghiệp và hỗ trợ khác được giá trị tổng cộng là 122.660.255 đồng; không được giao đất tái định cư.

Tại Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M không chấp nhận yêu cầu giao đất tái định cư của bà M với lý do hiện nay bà M đang ở với con trai Lê Quang M1.

Tuy nhiên, bà Ngô Thị M có hộ khẩu riêng không liên quan với ông M1, tại thời điểm thu hồi đất thì trong hộ bà M còn có bà Lê Thị Thu S, cháu Huỳnh Ngọc H1 và cháu Huỳnh Thu H2 (B1 23, 24,25) đang ở đây; không liên quan gì đến hộ khẩu của ông Lê Quang M1 ở nơi khác (B1 58,59,60). Đồng thời nhà đất tại thửa 233 bị thu hồi này cũng là nơi để gia đình bà M buôn bán và sống bằng nghề buôn bán kinh doanh này.

Tại khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định “*Hộ gia đình cá nhân khi nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất*”. Tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định nội dung tương tự, đồng thời thêm nội dung là Giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi nhà nước giao đất do UBND cấp tỉnh quy định. Như vậy tại thời điểm thu hồi đất hộ bà M không có chỗ ở nào khác nên mỗi người phải sống tạm vào các hộ gia đình người thân, Hộ bà M có quyền có chỗ ở riêng mà không phải phụ thuộc

vào hộ của ông M1, nên theo quy định trên phải giao đất ở cho hộ bà M mới đúng quy định.

Tại Quyết định 3888/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Q về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình KDC phía đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng) thành phố Q có nội dung tại Mục 3 “*Tạo quỹ đất ở để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và quỹ đất ở để bố trí tái định cư cho các dự án*” như vậy đây là công trình có dự án tái định cư tại chỗ, nên cần ưu tiên giao đất cho hộ bà M tại chỗ và có vị trí thuận lợi cho kinh doanh để Hộ gia đình Bà nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Từ những căn cứ trên và theo ý kiến đề nghị hợp lý của Kiểm sát viên tại phiên tòa; HĐXX phúc thẩm thấy cần phải sửa một phần án sơ thẩm, hủy một phần quyết định Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M và hủy một phần quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng): để buộc bổ sung phương án giao 01 lô đất ở tại chỗ (công trình KDC phía Đông trụ sở UBND phường N, phần mở rộng) có thu tiền sử dụng đất theo giá do UBND tỉnh Bình Định quy định cho hộ bà Ngô Thị M.

[3] Về án phí hành chính: do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được tính lại, cả bà M và Chủ tịch UBND thành phố Q đều phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng, do bà M là người cao tuổi, có đơn xin nên được miễn nộp. Về án phí hành chính phúc thẩm bà Ngô Thị M không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 229; điểm a khoản 2 Điều 241, Điều 242 của Luật tổ tụng hành chính;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt 2).

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Ngô Thị M và sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HC- ST ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 71, khoản 2 Điều 79 Luật đất đai 2015.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị M yêu cầu hủy các Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ bà Ngô Thị M để xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q (đợt 2); Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 06/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ bà Ngô Thị M để giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư phía Đông trụ sở phường N, thành phố Q và yêu cầu xác định thửa đất số 223, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ năm 2017), diện tích 301,2m², tọa lạc tại phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là loại đất ở đô thị thuộc quyền sử dụng của bà Ngô Thị M.

Hủy một phần Quyết định số 7456/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngô Thị M và hủy một phần Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc “*phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư phía Đông trụ sở UBND phường N (phần mở rộng) thành phố Q (đợt 2)*”, để buộc bổ sung phương án: giao 01 lô đất ở tại chỗ (công trình KDC phía Đông trụ sở UBND phường N, phần mở rộng) có thu tiền sử dụng đất theo giá do UBND tỉnh Bình Định quy định cho hộ bà Ngô Thị M.

3. Về án phí: Bà M được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND thành phố Q phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng. Án phí hành chính phúc thẩm bà M không phải chịu, hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003768 ngày 25/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long